

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO")
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BHN
 - Địa chỉ: Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại liên hệ: 024.38453843 Fax: 024.37223784
 - Email: habeco@habeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 23 / 01 / 2025 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thăng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	6 – 49
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	<i>10 - 11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	<i>14 – 49</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình với Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 là: 2.318.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3845 3843
Web : www.habeco.com.vn
Mã số thuế : 0101376672

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 49).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quân Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Chủ Thị Thu Trang Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025
Tổng Giám đốc
CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT
HÀ NỘI
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI



Ngô Quế Lâm

Số: 1107.02.08/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2025, từ trang 6 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 29 tháng 01 năm 2024 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.348.109.912.182	5.135.871.007.030
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.050.976.562.093	1.164.573.830.285
1.	Tiền	111		548.146.562.093	473.518.830.285
2.	Các khoản tương đương tiền	112		502.830.000.000	691.055.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.282.999.912.329	2.724.089.696.800
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.282.999.912.329	2.724.089.696.800
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.444.749.496	428.020.603.331
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	145.328.585.860	328.609.467.696
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.945.515.666	37.700.258.395
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	93.148.883.201	87.065.805.970
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(23.978.235.231)	(25.354.928.730)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	712.541.187.518	719.428.967.211
1.	Hàng tồn kho	141		730.609.388.544	738.696.213.539
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(18.068.201.026)	(19.267.246.328)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		53.147.500.746	99.757.909.403
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	30.269.275.746	22.338.003.084
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.564.023.445	1.463.404.052
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	6.314.201.555	75.956.502.267
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.912.851.935.763	2.014.110.340.275
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		231.800.000	334.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.4	231.800.000	334.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.203.022.559.567	1.527.170.833.563
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.127.805.305.449	1.441.912.595.836
	- Nguyên giá	222		9.496.570.146.831	9.463.903.965.561
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.368.764.841.382)	(8.021.991.369.725)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	75.217.254.118	85.258.237.727
	- Nguyên giá	228		175.579.262.280	173.119.062.280
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100.362.008.162)	(87.860.824.553)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.881.508.740	3.792.132.280
1.	Nguyên giá	231		12.418.243.746	12.418.243.746
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(9.536.735.006)	(8.626.111.466)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	17.098.259.104	10.702.730.485
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.098.259.104	10.702.730.485
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	476.500.185.201	271.002.662.094
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		235.486.633.269	229.989.110.162
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.736.448.068)	(2.736.448.068)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		213.117.623.151	201.107.981.853
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	205.097.765.076	195.049.934.481
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	4.285.575.276	4.823.149.418
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.734.282.799	1.234.897.954
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.260.961.847.945	7.149.981.347.305

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.982.883.392.149	1.842.472.207.856
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.859.762.587.807	1.726.342.324.471
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	616.695.116.397	456.646.067.246
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		109.200.722.673	32.174.540.252
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	379.549.618.352	393.815.820.851
4.	Phải trả người lao động	314		177.829.606.500	178.348.830.038
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	140.187.684.416	192.332.311.921
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.800.000	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	273.659.359.961	266.867.384.441
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	70.681.112.774	110.788.979.230
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.256.812.292	1.986.732.912
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89.697.754.442	93.381.657.580
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		123.120.804.342	116.129.883.385
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	312.904.575	312.904.575
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	121.891.936.767	108.993.280.095
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	915.963.000	6.518.120.000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	305.578.715

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.278.078.455.796	5.307.509.139.449
I.	Vốn chủ sở hữu	410		5.277.327.463.620	5.306.532.186.354
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	1.540.865.646.123	1.544.268.440.943
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	11.432.027.465	11.698.027.465
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	733.530.178.447	760.005.147.176
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		351.238.832.337	429.398.027.182
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		382.291.346.110	330.607.119.994
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		673.499.611.585	672.560.570.770
II.	II. Nguồn kinh phí	430		750.992.176	976.953.095
1.	Nguồn kinh phí	431		420.000.000	420.000.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		330.992.176	556.953.095
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		7.260.961.847.945	7.149.981.347.305

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc




Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2024

		Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Mã Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.307.117.229.959	2.271.287.540.882	8.302.986.628.347	7.900.964.462.916
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	36.419.636.916	25.158.349.007	83.365.816.073	146.611.563.753
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.270.697.593.043	2.246.129.191.875	8.219.620.812.274	7.754.352.899.163
4.	Giá vốn hàng bán	1.638.122.799.684	1.704.099.914.761	6.033.996.419.904	5.839.789.214.571
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.574.793.359	542.029.277.114	2.185.624.392.370	1.914.563.684.592
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	55.555.091.420	69.240.704.057	177.556.838.607	231.854.633.312
7.	Chi phí tài chính	1.412.931.941	1.237.509.679	5.782.415.037	6.521.334.125
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	370.547.897	869.222.735	2.944.311.074	5.738.294.772
8.	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	4.143.808.668	665.377.561	16.317.666.082	12.424.999.639
9.	Chi phí bán hàng	404.766.468.853	364.670.114.575	1.376.677.923.192	1.201.367.368.741
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	160.121.972.483	160.106.322.538	505.866.390.769	507.108.723.263
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.972.320.170	85.921.411.940	491.172.168.061	443.845.891.414
12.	Thu nhập khác	18.914.106.730	9.733.613.365	38.915.930.708	26.065.207.122
13.	Chi phí khác	5.946.004.377	6.446.860.203	11.467.873.867	5.575.184.674
14.	Lợi nhuận khác	12.968.102.353	3.286.753.162	27.448.056.841	20.490.022.448
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.940.422.523	89.208.165.102	518.620.224.902	464.335.913.862
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.326.599.289	26.877.890.312	115.243.957.212	107.509.729.264
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.729.983.196)	(1.669.354.049)	537.574.142	2.141.349.438

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		113.343.806.430	63.999.628.839	402.838.693.548	354.684.835.160
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		109.496.209.431	57.223.966.373	382.291.346.110	336.125.947.746
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.847.596.999	6.775.662.466	20.547.347.438	18.558.887.414
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	472	247	1.649	1.426
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	472	247	1.649	1.426

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		518.620.224.902	464.335.913.862
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		383.111.715.477	415.810.127.763
- Các khoản dự phòng	03		(2.305.659.421)	(595.850.953)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(193.346.483)	(128.620.588)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(175.962.203.104)	(233.593.787.339)
- Chi phí lãi vay	06		2.944.311.074	5.738.294.772
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		726.215.042.445	651.566.077.517
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		191.677.119.444	25.722.745.366
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.587.440.150	5.744.029.998
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		190.009.486.122	(117.656.863.488)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.979.103.257)	14.750.252.777
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.916.051.334)	(5.782.077.416)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.047.780.991)	(22.928.150.723)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(136.851.360.853)	(69.109.096.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		936.694.791.726	482.306.917.326
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(63.266.546.645)	(99.015.307.036)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		696.728.962	533.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.684.294.200.489)	(3.944.434.258.269)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.925.383.984.960	4.242.787.061.469
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		164.606.585.907	244.145.110.784
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(656.873.447.305)	444.016.152.402

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		341.014.827.074	454.284.210.821
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(386.724.850.530)	(433.452.367.122)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(347.901.935.640)	(294.542.910.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(393.611.959.096)	(273.711.067.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(113.790.614.675)	652.612.002.646
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.164.573.830.285	511.914.329.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		193.346.483	47.498.016
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.050.976.562.093	1.164.573.830.285

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc




Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3845 3843
Web : www.habeco.com.vn
Mã số thuế : 0101376672

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mì, bột mì, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Tình hình hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	Đang hoạt động	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	Đang hoạt động	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	Đang hoạt động	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	Đang hoạt động	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	Đang hoạt động	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	Đang hoạt động	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	Đang hoạt động	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	Đang hoạt động	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	Đang hoạt động	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	Đang hoạt động	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	Đang hoạt động	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	Đang hoạt động	160.000.000.000	66,69%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	Đang hoạt động	100.000.000.000	53,89%	53,89%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Công ty liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ**

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Tình hình hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	Đang hoạt động	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	Đang hoạt động	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	Đang hoạt động	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	Đang hoạt động	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	Đang hoạt động	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	Đang hoạt động	35.000.000.000	44,22%	44,22%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2023.

8. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 515 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 512 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư mua được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không quá 3 năm.

9. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

15. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tổng Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Tổng Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tài thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.600.636.486	3.434.831.960
Tiền gửi ngân hàng	542.545.925.607	464.957.184.724
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	502.830.000.000	696.181.813.601
Cộng	<u>1.050.976.562.093</u>	<u>1.164.573.830.285</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đối tượng	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ngắn hạn	3.282.999.912.329	-	2.724.089.696.800	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	3.282.999.912.329	-	2.724.089.696.800	-
- Dài hạn	200.000.000.000	-	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng (*)	200.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>3.482.999.912.329</u>	<u>-</u>	<u>2.724.089.696.800</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,2%/năm đến 6,2%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	13.990.295.876	28,10%	13.927.271.944
Công ty CP Vân tai Habeco	28,00%	6.731.760.694	28,00%	6.619.116.578
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	17.858.418.476	45,00%	17.873.302.255
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	53.316.369.726	40,00%	53.693.987.096
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	121.104.817.383	27,21%	116.679.680.563
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	22.484.971.114	44,22%	21.195.751.726
Cộng		235.486.633.269		229.989.110.162

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.**c. Đầu tư vào đơn vị khác**

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu				-
Đầu tư vào đơn vị khác		43.750.000.000		43.750.000.000
- Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
- Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
- Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	10.500.000.000	12,50%	10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.736.448.068		2.736.448.068
Giá trị thuần		41.013.551.932		41.013.551.932

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Khiêm Nga	4.406.988.651	12.946.697.567
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Dịch vụ Đại Thắng	2.410.240.132	8.711.646.597
Phải thu đối tượng khác	138.511.357.077	306.951.123.532
Cộng	<u>145.328.585.860</u>	<u>328.609.467.696</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn	-	1.159.348.481
Phải thu cược bao bì vỏ chai kết	2.903.112.000	342.912.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	58.303.596.752	48.540.563.094
Phải thu tiền ĐBGPMB Dự án Chi nhánh Tuyên Quang	-	3.394.704.000
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.747.434.313	3.757.936.239
Phải thu khác	28.194.740.136	29.870.342.156
Cộng	<u>93.148.883.201</u>	<u>87.065.805.970</u>
b. Dài hạn		
Ký cược ký quỹ dài hạn	221.800.000	324.000.000
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>231.800.000</u>	<u>334.000.000</u>

Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499
Công ty TNHH Trường Quang II	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115
Các đối tượng khác	10.746.157.584	10.643.161.584	12.107.651.083	12.019.855.083
Cộng	<u>24.081.231.231</u>	<u>23.978.235.231</u>	<u>25.442.724.730</u>	<u>25.354.928.730</u>

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	257.660.000	-	915.419.778	-	
Nguyên liệu, vật liệu	273.339.961.780	12.786.149.685	303.878.525.235	13.270.744.310	
Công cụ, dụng cụ	117.174.798.972	3.226.355.306	107.213.610.366	3.244.143.676	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.808.738.697	60.137.264	110.545.720.258	237.988.372	
Thành phẩm	157.210.884.886	1.995.558.771	170.267.333.107	2.514.369.970	
Hàng hoá	72.809.628.110	-	45.859.286.851	-	
Hàng gửi bán	7.716.099	-	16.317.944	-	
Cộng	730.609.388.544	18.068.201.026	738.696.213.539	19.267.246.328	

7. Tài sản dở dang dài hạn**Xây dựng cơ bản dở dang**

- Chi phí sửa chữa nhà hội trường
 - Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1 Hội trường Tổng công ty
 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác
- Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	4.588.275.927
3.105.242.629	-
13.993.016.475	6.114.454.558
17.098.259.104	10.702.730.485

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình							
Số dư đầu năm	1.940.009.170.102	7.134.689.861.847	218.431.285.210	159.103.326.653	11.670.321.749	9.463.903.965.561	
Số tăng trong kỳ	22.529.182.139	21.191.700.765	7.858.322.888	4.687.328.205	-	56.266.533.997	
- Mua sắm mới	14.168.492.136	21.191.700.765	7.858.322.888	4.687.328.205	-	47.905.843.994	
- Xây dựng mới hoàn thành	8.360.690.003	-	-	-	-	8.360.690.003	
Số giảm trong kỳ	17.840.230.457	631.049.060	2.043.774.636	3.085.298.574	-	23.600.352.727	
- Thanh lý nhượng bán	17.623.019.267	544.124.724	2.043.774.636	3.085.298.574	-	23.296.217.201	
- Giảm khác	217.211.190	86.924.336	-	-	-	304.135.526	
Số dư cuối kỳ	1.944.698.121.784	7.155.250.513.552	224.245.833.462	160.705.356.284	11.670.321.749	9.496.570.146.831	
Giá trị đã hao mòn							
Số dư đầu năm	1.325.611.493.917	6.362.651.844.420	186.611.817.958	139.072.001.069	8.044.212.361	8.021.991.369.725	
Tăng trong kỳ	71.920.983.052	276.270.470.493	10.125.712.492	10.499.481.685	883.260.606	369.699.908.328	
Giảm trong kỳ	17.344.688.772	452.674.689	2.043.774.636	3.085.298.574	-	22.926.436.671	
- Thanh lý nhượng bán	17.344.688.772	452.674.689	2.043.774.636	3.085.298.574	-	22.926.436.671	
Số dư cuối kỳ	1.380.187.788.197	6.638.469.640.224	194.693.755.814	146.486.184.180	8.927.472.967	8.368.764.841.382	
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình							
Tại ngày đầu năm	614.397.676.185	772.038.017.427	31.819.467.252	20.031.325.584	3.626.109.388	1.441.912.595.836	
Tại ngày cuối kỳ	564.510.333.587	516.780.873.328	29.552.077.648	14.219.172.104	2.742.848.782	1.127.805.305.449	

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.595.910.761.737 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 212.033.321.128 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>				
Số dư đầu năm	48.065.300.710	123.923.589.703	1.130.171.867	173.119.062.280
Số tăng trong kỳ	-	2.460.200.000	-	2.460.200.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	48.065.300.710	126.383.789.703	1.130.171.867	175.579.262.280
<i>Giá trị đã hao mòn</i>				
Số dư đầu năm	502.077.850	86.228.574.836	1.130.171.867	87.860.824.553
Số tăng trong kỳ	10.233.768	12.490.949.841	-	12.501.183.609
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	512.311.618	98.719.524.677	1.130.171.867	100.362.008.162
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>				
Tại ngày đầu năm	47.563.222.860	37.695.014.867	-	85.258.237.727
Tại ngày cuối kỳ	47.552.989.092	27.664.265.026	-	75.217.254.118

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 78.999.849.073 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Nguyên giá</i>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	12.418.243.746	-	-	12.418.243.746
Giá trị hao mòn lũy kế	8.626.111.466	910.623.540	-	9.536.735.006
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	8.626.111.466	910.623.540	-	9.536.735.006
Giá trị còn lại	3.792.132.280	-	-	2.881.508.740
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	3.792.132.280	-	-	2.881.508.740

(* **Ghi chú:** Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và hợp nhất	4.285.575.276	4.823.149.418
Cộng	4.285.575.276	4.823.149.418

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	12.020.622.388	6.808.891.751
Chi phí vật dụng quảng cáo chờ kết chuyển	2.638.983.439	4.960.037.786
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.609.669.919	10.569.073.547
Cộng	<u>30.269.275.746</u>	<u>22.338.003.084</u>
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	73.068.351.903	70.134.394.192
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	39.811.881.838	29.957.211.649
Chi phí giải phòng mặt bằng	10.288.805.583	10.644.066.123
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	62.933.039.540	58.360.331.959
Chi phí sửa chữa tài sản	12.928.047.074	18.815.547.612
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.067.639.138	7.138.382.946
Cộng	<u>205.097.765.076</u>	<u>195.049.934.481</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuế tài chính		Số đầu năm		Trong kỳ		Đơn vị tính: VNĐ	
		Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ	Số có khả năng Trả nợ
a. Vay ngắn hạn		110.788.979.230	110.788.979.230	340.098.864.074	380.206.730.530	70.681.112.774	70.681.112.774
Vay ngắn hạn		108.484.979.230	108.484.979.230	339.180.864.074	379.900.730.530	67.765.112.774	67.765.112.774
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam		51.470.953.292	51.470.953.292	142.725.310.751	179.415.718.312	14.780.545.731	14.780.545.731
Ngân hàng Quân Đội		-	-	1.152.000.000	-	1.152.000.000	1.152.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		42.014.025.938	42.014.025.938	147.437.045.831	137.618.504.726	51.832.567.043	51.832.567.043
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		15.000.000.000	15.000.000.000	47.866.507.492	62.866.507.492	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả		2.304.000.000	2.304.000.000	918.000.000	306.000.000	2.916.000.000	2.916.000.000
b. Vay dài hạn		6.518.120.000	6.518.120.000	1.833.963.000	7.436.120.000	915.963.000	915.963.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội		6.518.120.000	6.518.120.000	-	6.518.120.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		-	-	1.833.963.000	918.000.000	915.963.000	915.963.000
Cộng		117.307.099.230	117.307.099.230	341.932.827.074	387.642.850.530	71.597.075.774	71.597.075.774

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Ngắn hạn					
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	22.489.710.080	22.489.710.080	19.701.928.776	19.701.928.776	
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	2.714.480.970	2.714.480.970	1.880.171.305	1.880.171.305	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	25.031.599.396	25.031.599.396	18.915.677.437	18.915.677.437	
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	-	-	15.772.868.141	15.772.868.141	
Công ty CP Vận tải Habeco	8.032.445.316	8.032.445.316	4.805.781.364	4.805.781.364	
Phải trả đối tượng khác	558.426.880.635	558.426.880.635	395.569.640.223	395.569.640.223	
Cộng	616.695.116.397	616.695.116.397	456.646.067.246	456.646.067.246	

b. Dài hạn

Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329	
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600	
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000	
Lương Văn Thăng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000	
Phải trả đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646	
Cộng	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575	

Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	40.411.081.180	612.069.066.002	(618.096.288.921)	34.383.858.261	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	344.226.062.358	3.313.294.874.286	(3.362.833.133.380)	294.687.803.264	
Thuế xuất nhập khẩu	-	547.102.090	(547.102.090)	-	
Thuế thu nhập cá nhân	1.826.601.968	24.583.869.721	(24.067.347.511)	2.343.124.178	
Thuế tài nguyên	122.819.157	1.991.182.842	(1.978.887.864)	135.114.135	
Thuế đất, tiền thuê đất	2.073.040.739	14.617.767.393	(14.600.044.649)	2.090.763.483	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	61.561.614.345	(19.047.780.991)	42.513.833.354	
Thuế khác	5.156.215.449	5.687.607.734	(7.448.701.506)	3.395.121.677	
Cộng	393.815.820.851	4.034.353.084.413	(4.048.619.286.912)	379.549.618.352	
b) Phải thu					
Thuế GTGT tăng hàng nhập khẩu	-	3.827.850.824	(4.947.424.338)	1.119.573.514	
Thuế tiêu thụ đặc biệt trừ	18.159.097.450	17.489.422.723	-	669.674.727	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.682.342.867	53.682.342.867	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	1.786.201.513	993.163.656	(921.888.910)	1.714.926.767	
Thuế tài nguyên	2.881.430	-	-	2.881.430	
Thuế đất, thuế đất	2.318.471.567	20.816.327.430	(21.297.493.537)	2.799.637.674	
Thuế khác	7.507.440	6.775.161.749	(6.775.161.752)	7.507.443	
Cộng	75.956.502.267	103.584.269.249	(33.941.968.537)	6.314.201.555	
Thuế giá trị gia tăng					
Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật hiện hành của Nhà nước.					
Thuế thu nhập doanh nghiệp					
Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.					
Các loại thuế khác					
Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.					

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bán hàng	122.760.882.088	172.422.693.043
Chi phí lãi vay	73.572.296	45.312.556
Chi phí xây dựng cơ bản	6.502.781.350	6.596.053.328
Chi phí phải trả khác	10.850.448.682	13.268.252.994
Cộng	140.187.684.416	192.332.311.921

17. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.791.185.645	2.032.945.671
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	38.155.398	92.733.108
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	141.549.562.761	142.768.610.882
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	68.487.326.804	68.689.262.444
Các khoản phải trả phải nộp khác	60.793.129.353	53.283.832.336
Cộng	273.659.359.961	266.867.384.441
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ ký cược	115.961.651.749	103.062.995.077
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
Các khoản phải trả phải nộp khác	700.943.660	700.943.660
Cộng	121.891.936.767	108.993.280.095

c. Phải trả khác là bên liên quan: Không có.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước (01/01/2023)	2.318.000.000.000	1.540.126.962.890	12.030.898.113		774.761.819.165
Lãi trong năm trước					336.125.947.746
Trích lập quỹ ĐTPT từ lợi nhuận các năm trước		4.141.478.053			(4.141.478.053)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước					(63.124.122.404)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi					(5.518.827.752)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước					(278.098.191.526)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(332.870.648)		
Số dư cuối năm trước (31/12/2023)	2.318.000.000.000	1.544.268.440.943	11.698.027.465		760.005.147.176
Số dư đầu năm nay (01/01/2024)	2.318.000.000.000	1.544.268.440.943	11.698.027.465		760.005.147.176
Lãi trong kỳ này					382.291.346.110
Trích lập quỹ ĐTPT từ lợi nhuận các năm trước		970.020.000			(970.020.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận các năm trước					(64.469.109.659)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước					(347.700.000.000)
Chuyển quỹ ĐTPT tại công ty con		(4.372.814.820)			4.372.814.820
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(266.000.000)		
Số dư cuối kỳ này (31/12/2024)	2.318.000.000.000	1.540.865.646.123	11.432.027.465		733.530.178.447

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của nhà nước
 Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S
 Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam
 Vốn góp của các cổ đông khác
Cộng

	Số cuối kỳ	%	Số đầu năm	%
	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024</u>	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)***19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	484.258,67	213.407,31
- EUR	3.937,32	6.383,85
Nợ khó đòi đã xử lý	2.088.282.433	2.088.282.433

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	2.211.008.341.197	2.248.151.614.998	8.081.189.342.876	7.752.459.448.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	96.108.888.762	23.135.925.884	221.797.285.471	148.505.014.742
Cộng	2.307.117.229.959	2.271.287.540.882	8.302.986.628.347	7.900.964.462.916

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Chiết khấu thương mại	36.419.636.916	25.145.078.709	83.365.816.073	144.093.596.395
Hàng bán bị trả lại	-	13.270.298	-	2.517.967.358
Cộng	36.419.636.916	25.158.349.007	83.365.816.073	146.611.563.753

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	2.174.588.704.281	2.222.993.265.991	7.997.823.526.803	7.605.847.884.421
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	96.108.888.762	23.135.925.884	221.797.285.471	148.505.014.742
Cộng	2.270.697.593.043	2.246.129.191.875	8.219.620.812.274	7.754.352.899.163

4. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	1.638.122.799.684	1.704.099.914.761	6.033.996.419.904	5.839.789.214.571
Cộng	1.638.122.799.684	1.704.099.914.761	6.033.996.419.904	5.839.789.214.571

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lãi tiền gửi tiền cho vay	54.365.623.613	68.674.826.304	173.634.619.565	229.291.323.057
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.189.467.807	246.807.795	3.187.019.042	1.089.240.297
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-	735.000.000	1.155.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	319.069.958	200.000	319.069.958
Cộng	55.555.091.420	69.240.704.057	177.556.838.607	231.854.633.312

6. Chi phí tài chính

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Chi phí lãi vay	370.547.897	869.222.735	2.944.311.074	5.738.294.772
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-	179.950.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.042.384.044	368.286.944	2.838.103.963	603.089.351
Cộng	1.412.931.941	1.237.509.679	5.782.415.037	6.521.334.125

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
a. Chi phí bán hàng	404.766.468.853	364.670.114.575	1.376.677.923.192	1.201.367.368.741
Chi phí nhân viên	61.077.220.251	55.690.980.637	178.759.344.931	161.598.357.100
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	28.511.575.457	16.826.067.937	67.423.464.301	75.587.145.884
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	32.424.462.507	37.756.745.103	99.109.938.408	96.150.420.091
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	252.366.829.072	220.353.354.472	714.491.408.248	590.923.208.956
Chi phí khác	30.386.381.566	34.042.966.426	316.893.767.304	277.108.236.710
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	160.121.972.483	160.106.322.538	505.866.390.769	507.108.723.263
Chi phí nhân viên	73.958.311.587	56.785.573.486	216.966.023.455	206.334.225.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.528.718.803	11.635.654.363	43.156.798.520	46.691.679.181
Chi phí tiền thuê đất	(636.897.552)	18.036.952.814	33.972.599.195	33.993.907.090
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	76.271.839.645	73.648.141.875	211.770.969.599	220.088.911.332
8. Thu nhập khác	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Thu thanh lý tài sản	541.343.350	772.127.157	1.592.583.539	2.603.275.881
Thu nhập bán bã bia	2.247.268.900	2.833.014.022	8.576.089.950	12.252.052.244
Thu phạt bồi thường	2.294.242.695	349.756.057	2.893.564.549	1.968.374.848
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	2.154.380.126	917.752.539	3.911.588.930	982.343.636
Thu nhập khác	11.676.871.659	4.860.963.590	21.942.103.740	8.259.160.513
Cộng	18.914.106.730	9.733.613.365	38.915.930.708	26.065.207.122

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
9. Chi phí khác				
Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.434.809.276	528.548.296	4.935.698.483	949.388.766
Chi phí vỏ chai	521.037.273	964.196.365	561.850.000	964.196.365
Chi phí khác	3.990.157.828	4.954.115.542	5.970.325.384	3.661.599.543
Cộng	5.946.004.377	6.446.860.203	11.467.873.867	5.575.184.674
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	138.940.422.523 5.588.820.531	89.208.165.102 41.430.523.047	518.620.224.902 8.296.245.188	464.335.913.862 (6.969.422.093)
Tổng thu nhập chịu thuế	144.529.243.054	130.638.688.149	526.916.470.090	457.366.491.769
<i>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.905.848.611	26.127.737.630	105.383.294.018	91.473.298.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	(579.249.322)	750.152.682	9.860.663.194	16.036.430.910
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.326.599.289	26.877.890.312	115.243.957.212	107.509.729.264

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	109.496.209.431	57.223.966.373	382.291.346.110	336.125.947.746
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	(5.518.827.752)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	5.518.827.752
+ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác</i>	-	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	109.496.209.431	57.223.966.373	382.291.346.110	330.607.119.994
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	472	247	1.649	1.426
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	472	247	1.649	1.426

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tăng suy giảm trong Quý 4/2024 và đến ngày lập báo cáo tài chính kỳ kế toán Quý 4 năm 2024.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Chi phí nguyên liệu vật liệu, CCDC	755.993.499.009	744.892.518.062	2.669.106.047.087	2.598.573.750.963
Chi phí nhân công	182.394.035.698	163.677.387.729	608.310.300.457	587.161.542.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.935.793.625	104.510.046.806	383.111.715.477	415.810.127.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.342.558.030	282.491.363.013	962.200.906.631	929.485.659.196
Chi phí khác	217.396.986.239	205.931.135.717	686.770.350.473	594.608.162.443
Cộng	1.542.062.872.601	1.501.502.451.327	5.309.499.320.125	5.125.639.242.467

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong Quý 4 năm 2024 như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	297.600.000	297.600.000	1.190.400.000	1.190.400.000
Ông Ngô Qué Lâm	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Bà Quán Lê Hà	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên - Từ ngày 28/06/2023	40.800.000	40.800.000	163.200.000	81.600.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	187.200.000	187.200.000	748.800.000	748.800.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên - Đến ngày 28/06/2023	-	-	-	48.000.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên - Từ ngày 28/06/2023	24.000.000	24.000.000	96.000.000	48.000.000
Bà Thiệu Hồng Nhung	Thành viên	24.000.000	24.000.000	96.000.000	96.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác			
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	268.800.000	1.075.200.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.022.400.000	4.089.600.000

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	627.666.000	601.416.000
		Bán quyền nhãn hiệu	4.840.812.720	4.873.028.904
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	650.764.596
		Chi phí khác	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Cho thuê mặt bằng	1.123.200.000	1.123.200.000
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, bốc xếp	29.281.039.592	25.388.985.345
		Bán phế liệu	286.592.440	306.410.200
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Mua vỏ chai	1.656.148.680	3.958.171.200
		Mua vật tư bao bì	85.399.942.650	87.286.481.330
		Điện, nước và khác	73.648.584	109.309.340
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	2.675.673
		Bán hàng hóa	-	38.918.880

Giá hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho các bên có liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)		Đơn vị tính: VND
			31/12/2024	01/01/2024	
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	116.024.461	148.289.289	
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(166.536.240)	3.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	925.185.250	752.132.978	
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Cước vận tải	(8.032.445.316)	(4.805.781.364)	
		Bán vật tư, hàng hóa	17.421.600	13.957.944	
		Mua hàng hóa	(14.191.151.735)	(7.362.086.192)	

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị số sách	Dự phòng	Giá trị số sách	Dự phòng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.050.976.562.093	-	1.164.573.830.285	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.482.999.912.329	-	2.724.089.696.800	-	
Phải thu khách hàng	145.328.585.860	12.496.375.826	328.609.467.696	13.873.069.325	
Trả trước cho người bán	33.945.515.666	3.285.497.979	37.700.258.395	3.285.497.979	
Đầu tư tài chính dài hạn	279.236.633.269	2.736.448.068	273.739.110.162	2.736.448.068	
Phải thu khác	93.380.683.201	8.196.361.426	87.399.805.970	8.196.361.426	
Cộng	5.085.867.892.418	26.714.683.299	4.616.112.169.308	28.091.376.798	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị số sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	617.008.020.972	456.958.971.821
Vay và nợ	71.597.075.774	117.307.099.230
Chi phí phải trả	140.187.684.416	192.332.311.921
Các khoản phải trả khác	1.064.388.056.545	982.186.588.589
Cộng	1.893.180.837.707	1.748.784.971.561

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi công nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.770.060.033.365	123.120.804.342	1.893.180.837.707
Phải trả người bán	616.695.116.397	312.904.575	617.008.020.972
Vay và nợ thuê tài chính	70.681.112.774	915.963.000	71.597.075.774
Chi phí phải trả	140.187.684.416	-	140.187.684.416
Các khoản phải trả khác	942.496.119.778	121.891.936.767	1.064.388.056.545
Số đầu kỳ	1.632.960.666.891	115.824.304.670	1.748.784.971.561
Phải trả người bán	456.646.067.246	312.904.575	456.958.971.821
Vay và nợ thuê tài chính	110.788.979.230	6.518.120.000	117.307.099.230
Chi phí phải trả	192.332.311.921	-	192.332.311.921
Các khoản phải trả khác	873.193.308.494	108.993.280.095	982.186.588.589

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường.

Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy



Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

Ngô Quế Lâm